

**BOÀNÔNG NGHIỆP VÀPHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRONG TRỐT**

**TIÊU CHÍ XÂY DỰNG
CÀNH NÔNG MẪU LỒN**

(Tái bản lần 1)

**NHAXUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
TP. HoàChí Minh - 2011**

**Biên soạn: PGS. TS. Phạm Văn Dõ
ThS. LêThanh Tung**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu.....	5
Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ	7
Quyết định số 77/2002/QĐ-BNN ngày 28/8/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16
Chỉ thị số 25/2008/CT-TTg ngày 25/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ	21
Hướng dẫn xây dựng mô hình: Liên kết xây dựng “cánh đồng mẫu lớn” theo hướng GAP tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa hàng hóa chất lượng cao xuất khẩu ...	26
Phụ lục 1: Mô hình “cánh đồng mẫu lớn” – Hướng tới vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu theo VietGAP	40
Phụ lục 2: Mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa	53
Phụ lục 3: Công văn số 892/TB-BNN-VP ngày 01/02/2010 của Thứ trưởng Bùi Bá Bổng	60
Phụ lục 4: Thông tư số 04/2003/TT-BTC ngày 10/01/2003 của Bộ Tài chính	65

Lời nói đầu

Sản xuất và tiêu thụ lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long cần phải có bước chuyển biến theo hướng tích cực hơn nữa, với mục tiêu tăng năng suất bình quân và tăng giá trị hạt gạo, canh tác lúa theo hướng thâm canh cao bền vững, đảm bảo vệ sinh an toàn và thân thiện với môi trường, tiêu thụ hết lúa hàng hóa và gia tăng lợi nhuận cho nông dân.

Hưởng ứng lễ phát động về phong trào xây dựng “cánh đồng mẫu lớn” và “ghi chép sổ tay sản xuất lúa theo VietGAP” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Trồng trọt ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” nhằm hướng tới sự thống nhất trong tổ chức thực hiện và biện pháp triển khai trong toàn vùng. Với phương châm “Nông dân nhỏ nhưng cánh đồng mẫu lớn” sẽ hình thành những vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Sản xuất lúa theo hướng VietGAP nhằm tiến tới việc nâng cao giá trị và chất lượng của hạt gạo Việt Nam đối với thị trường tiêu thụ trong nước và thế giới.

Chúng tôi hy vọng sổ tay này sẽ là bước khởi đầu trong việc hình thành và hoàn thiện các tiêu chí của cánh đồng mẫu lớn, là tài liệu để huy động và thể hiện sự thống nhất trong việc tổ chức triển khai thực hiện phong trào xây dựng “cánh đồng mẫu lớn” và “ghi chép sổ tay sản xuất lúa theo VietGAP” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong quá trình thực hiện sẽ từng bước hoàn thiện các nội dung, tiêu chí, yêu cầu của công tác này. Rất mong nhận được sự đóng góp, chia sẻ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đối với việc bổ sung, chỉnh sửa tài liệu này cho lần xuất bản tiếp theo.

PGS. TS. Phạm Văn Dư
Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt

CHỦ TRƯỞNG, NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ VỀ MÔ HÌNH CÁNH ĐỒNG MẪU LỚN

*“Qua đây tôi thấy có ấn tượng tốt. Đến An Giang thì luôn có những sáng kiến, vốn là vùng lâu nay sản xuất hàng hóa, quy mô ngày càng lớn. Sáng nay tập trung trao đổi **mô hình cánh đồng mẫu**, tôi hoan nghênh cách làm này. Qua nghe sơ bộ chi phí sản xuất giảm, hiệu quả tăng, sức cạnh tranh tăng, thương hiệu hàng hóa làm ra trên địa bàn ngày càng rõ ràng. An Giang chú ý đổi mới về quan hệ sản xuất trên cánh đồng mẫu. Tôi thấy xu hướng này tốt, cố gắng hoàn thiện mô hình này”.*

Trích Phát biểu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trong chuyến thăm và làm việc tại An Giang, ngày 17-12-2011.

*“...Chúng ta phải bảo đảm an ninh lương thực trong điều kiện dân số luôn có chiều hướng gia tăng, trong khi đất trồng lúa rất khó mở rộng, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh thường xuyên đe dọa và diễn biến ngày càng phức tạp do tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu. Vì vậy tôi đề nghị các ngành, các cấp cần có giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất trồng lúa, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các hệ thống thủy lợi, các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, chế biến, bảo quản; tăng cường sử dụng giống tốt, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác; cơ cấu lại mùa vụ theo hướng hiệu quả, **xây dựng các hình thức tổ chức liên kết theo mô hình cánh đồng mẫu lớn**, gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ để giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao thu nhập cho người trồng lúa, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh việc xây dựng nông thôn mới”.*

Trích Phát biểu của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh tại lễ khai mạc Festival lúa gạo lần thứ hai tại Sóc Trăng ngày 8 tháng 11 năm 2011.

*“Tiếp tục nhân rộng việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới về giống, kỹ thuật canh tác, **mô hình sản xuất lúa “cánh đồng mẫu lớn”** để tạo điều kiện “liên kết bốn nhà”, thúc đẩy nâng cao chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh lúa gạo, tăng thu nhập cho nông dân”.*

Trích CV số 2056/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày 7 tháng 11 năm 2011.

*“...**Mô hình liên kết này (cánh đồng mẫu lớn)** đã tạo ra sinh khí mới trong khâu tiêu thụ lúa, đưa nông dân từ chỗ gần như không có quyền thương lượng về giá bán, về phương thức thanh toán do thiếu trang bị sau thu hoạch lên vị trí làm chủ cả về quyền bán và giá bán. Không chỉ thúc đẩy sản xuất phát triển bền vững, tạo sự ổn định về an ninh - quốc phòng, đây còn là hành động rất cụ thể để thúc đẩy “Tam nông” phát triển bền vững. Vì vậy, mô hình này rất cần sớm nhân rộng ra toàn vùng ĐBSCL”.*

Trích Phát biểu của Nguyễn Phong Quang, Phó Trưởng ban Thường trực Ban chỉ đạo Tây Nam bộ tại buổi làm việc với tỉnh An Giang tìm hiểu về mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân và doanh nghiệp ngày 3 tháng 8 năm 2011.

PGS. TS. Bùi Bá Bổng - Thứ trưởng Bộ NN-PTNT: *“Không có **cánh đồng mẫu lớn**, nông dân ĐBSCL tiếp tục nghèo. Cánh đồng mẫu lớn là điểm tựa để triển khai đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Đây là mô hình cần nhân rộng, phấn đấu đạt khoảng 50.000 ha trong năm 2012 và có thể tăng thêm trong các năm tiếp theo. Đây cũng là mô hình để thực hiện nông thôn mới”.*

GS. TS. Nguyễn Văn Luật - Nguyên Viện trưởng Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long: “...Ngày nay, phong trào xây dựng **cánh đồng lúa mẫu lớn (CDML)** thực hiện bởi bà con nông dân Nam bộ đang nở rộ, mặc dầu mới thực hiện mấy năm nay. Có thể thấy ngay rằng phong trào này đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả sản xuất lúa vừa để tăng thu nhập cho bà con nông dân, vừa để thoát ra khỏi tình trạng sản xuất lúa bằng mọi giá trong khi ta có gạo xuất khẩu năm sau luôn cao hơn năm trước. Diện tích các mô hình CDML tiêu biểu hàng ngàn ha ở nhiều tỉnh trong vùng như An Giang; Đồng Tháp, Long An; TP. Cần Thơ, Hậu Giang Tây Ninh; đặc biệt là ở Sóc Trăng với 1 giống ST5 trên diện tích gần 2 vạn ha, cánh đồng dùng giống lúa kháng mặn OM6976 trên 2 vạn ha...”

GS. TS. Võ Tòng Xuân - Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo: “Trong quá trình hội nhập, nông dân ngày nay cần phải hướng tới làm ăn lớn chứ không thể làm ăn cá thể, nhỏ lẻ và trông chờ, ỉ lại như trước kia. Phải liên kết bốn nhà: Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp. Chúng tôi tập hợp các doanh nghiệp để họ làm trung tâm của mô hình này. Họ xây nhà máy, sân phơi, tổ chức người nông dân trồng lúa theo các tiêu chuẩn sản xuất bền vững. Mô hình này giúp các doanh nghiệp thu mua được gạo chất lượng cao. Còn nông dân, nhờ được trang bị kiến thức, có sự hỗ trợ về kỹ thuật, lúa sẽ ít sâu bệnh, có giá thành thấp, cuối vụ sẽ thu được lợi nhuận cao...”

GT. TS. Bùi Chí Bửu – Viện Trưởng Viện KHKT NN MN: “...Chúng ta đã đưa ra nhiều biện pháp về hợp tác hóa trong nhiều năm. Như chúng ta có nghị định 10, có chỉ thị 100 trả lại quyền tự do sản xuất cho bà con mình thì như vậy gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nhân dân vào hợp tác hóa. Do vậy cách làm mới là tập hợp nông dân để xây dựng **cánh đồng mẫu lớn**. Với quy mô nhỏ nhất cũng 40 ha, và hiện nay đã có cánh đồng 600 ha liên vùng, liên khoảnh. Và điều kiện tiên quyết là đằng sau đó là doanh nghiệp. Bởi họ có tiềm lực vốn, thị trường v.v... Đây là cách làm rất sáng tạo của Việt Nam trong điều kiện tập hợp nông dân rất khó. Tôi rất kỳ vọng vào sự thành công của mô hình. Nhưng trong đó các doanh nghiệp phải rất năng động. Bên cạnh đó, cũng không thể sót ruột, nóng vội mà đốt giai đoạn được. Nếu không phải trả giá.”

“Đây thật sự là mối liên kết giữa doanh nghiệp, người nông dân, nhà khoa học, nhà nước với vai trò điều hành. Những chính sách của Nhà nước chính là đòn bẩy để giúp cho sự phát triển. Công cụ thứ hai là luật pháp. Bởi hiện có rất nhiều hợp đồng tay đôi giữa nông dân và doanh nghiệp nhưng không thể chế tài được. Trong mô hình này, mối liên hệ giữa doanh nghiệp và nông dân hết sức quan trọng. Nếu doanh nghiệp không có tâm thì chương trình này là sẽ chỉ mang tính hình thức thôi.”

“Trong những năm gần đây, UBND tỉnh Đồng Tháp đã chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan trong tỉnh thực hiện vai trò “Nhạc trưởng” trong các hợp đồng bao tiêu sản phẩm lúa gạo, tôm càng xanh, cá tra v.v..., nhất là trong việc thực hiện mô hình “**cánh đồng mẫu lớn sản xuất theo hướng hiện đại**” bước đầu đạt được kết quả rất khả quan. Hiện nay, Đồng Tháp có 10 “cánh đồng mẫu lớn sản xuất theo hướng hiện đại” với tổng diện tích hơn 1.500 ha, thu hút gần 1.200 hộ nông dân tham gia và rất nhiều doanh nghiệp đã chủ động tạo ra mối liên kết bước đầu thành công. Các Bộ, ngành cần sớm đề xuất Chính phủ những cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả rõ rệt của mô hình này, chúng tôi cho rằng đây sẽ là bước ngoặt của liên kết 4 nhà ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.”

Ông Lê Minh Hoan - Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp

“Mô hình cánh đồng mẫu lớn giải đáp được bài toán về mô hình liên kết “4 nhà” (Nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà nông) và các bên tham gia mô hình đều hưởng lợi ích cao nhất. Cái hay của cánh đồng mẫu lớn là lợi ích nông dân và doanh nghiệp đều được quan tâm đồng thời và cùng nhau chăm lo, nên hiệu quả mang lại rất cao. Đây được xem là hướng mở mới trong sản xuất nông nghiệp hiện nay”.

Ông Huỳnh Thế Năng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang

“Sau thành công từ mô hình “cánh đồng mẫu lớn” ở huyện Vĩnh Hưng trong vụ Hè thu vừa qua, tỉnh Long An đã quyết định tiếp tục nhân rộng ra các địa phương khác. Dự kiến vụ Đông xuân triển khai tại tám cánh đồng mẫu lớn với 2.733 ha.”

Ông Lê Minh Đức, Giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Long An

“Bà con làm theo mô hình cánh đồng mẫu lớn này chi phí giảm hơn. Trong công tác chăm sóc, lao động, bà con cũng có thể trao đổi kinh nghiệm sản xuất tạo mối quan hệ cộng đồng chất lượng lúa, làm ra đồng nhất dễ tiêu thụ hơn. Về mặt xã hội đây là tiền đề để bà con làm quen với cách làm ăn lớn, hướng bà con làm ăn chuyên nghiệp, theo hướng công nghiệp hóa”.

Ông Đoàn Trí Vững - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Tháp.

“Mô hình cánh đồng mẫu lớn mở ra một hình thức liên kết mới trong sản xuất của những nông dân có diện tích đất nhỏ, tạo sự đồng bộ trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa các khâu sản xuất lúa và ổn định đầu ra cho sản phẩm, điều này là mong muốn trong nhiều năm nay nhưng chưa thực hiện được. Mô hình có nhiều triển vọng phát triển một cách ổn định và bền vững”

Ông Trần Quang Cũ - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Kiên Giang

“Đây là lần đầu tiên mô hình được triển khai trên diện tích lớn (gần 1000 ha), thực hiện trên 6 huyện có sự khác nhau về nhiều mặt; nhưng toàn bộ nông dân trong mô hình đều sử dụng lúa giống cấp xác nhận, nông dân đã quen dần với biện pháp kỹ thuật sạ thưa, sạ hàng; gieo sạ tập trung né rầy; xử lý giống bằng dung dịch muối và thuốc trước khi gieo nên hạn chế được rầy nâu và các loại côn trùng phá hoại khác; áp dụng các biện pháp “3 giảm, 3 tăng”, bón phân cân đối, hợp lý; sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng, hướng đến sản xuất theo 1 phải, 5 giảm; tạo thói quen ghi chép nhật ký đồng ruộng cho nông dân. Đây là tiền đề để xây dựng các vùng lúa chất lượng cao, sản xuất theo hướng VietGAP.”

Ông Vương Quốc Thái, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh

“Cty CP Phân bón Bình Điền đã và sẽ tiếp tục tham gia với tinh thần đồng hành và sẻ chia tích cực nhất. Vì lợi ích cao nhất của người nông dân; vì sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp nước nhà trong cánh đồng mẫu lớn bên cạnh việc hướng dẫn nông dân bón phân theo đúng công thức, công ty còn ứng trước 100% phân bón và cho nông dân trả chậm sau thu hoạch. Cty đã tổ chức đưa 60 nông dân sản xuất giỏi tại các tỉnh thành Nam Bộ đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại Viện Lúa quốc tế ở Philippines.”

Ông Lê Quốc Phong - TGD Công ty CP Phân bón Bình Điền

*“Nếu không có lợi thì việc xây dựng **cánh đồng mẫu** chỉ để lấy tiếng, không mở rộng được. Với việc sản xuất theo quy trình của công ty, hạt lúa có chất lượng, thương hiệu, địa chỉ xuất xứ nên giá bán cao hơn vài chục USD trở lên, từ đó phân phối lại giá trị lợi nhuận cho bà con nông dân. Khi tham gia **cánh đồng mẫu lớn**, công ty đưa bao, ghe đến tận ruộng nhận lúa của nông dân mang về nhà máy sấy khô miễn phí. Nông dân chỉ đến kiểm tra quá trình cân lúa rồi nhận tiền ngay tại nhà máy. Nếu thấy giá thấp cần chờ giá, công ty cho nông dân mượn kho dự trữ một tháng không tính phí”.*

Ông Huỳnh Văn Thòn, Tổng giám đốc AGPPS, đơn vị tiên phong trong việc xây dựng cánh đồng mẫu lớn tại ĐBSCL

QUYẾT ĐỊNH

của Thủ tướng Chính phủ
số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 về chính sách
khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua
hợp đồng.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Theo đề nghị của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa (bao gồm nông sản, lâm sản, thủy sản) và muối với người sản xuất (hợp tác xã, hộ nông dân, trang trại, đại diện hộ nông dân) nhằm gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa để phát triển sản xuất ổn định và bền vững.

Hợp đồng sau khi đã ký kết là cơ sở pháp lý để gắn trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên, bảo vệ doanh, chế biến và xuất khẩu theo các quy định của hợp đồng.

Điều 2. Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa phải được ký với người sản xuất ngay từ đầu vụ sản xuất, đầu năm hoặc đầu chu kỳ sản xuất. Trước mắt, thực hiện việc ký kết hợp đồng tiêu thụ đối với các sản phẩm là các mặt hàng chủ yếu để xuất khẩu: gạo, thủy sản, chè, cà phê, hồ tiêu, cao su, hạt điều, quả, dâu tằm, thịt,... và các sản phẩm chủ yếu để tiêu dùng trong nước có thông qua chế biến công nghiệp: bông, mía, thuốc lá, lá cây rừng nguyên liệu cho công nghiệp giấy, công nghiệp chế biến gỗ, sữa và muối....

Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa ký giữa các doanh nghiệp với người sản xuất theo các hình thức:

- Ứng trước vốn, vật tư, hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ và mua lại nông sản hàng hóa;
- Bán vật tư mua lại nông sản hàng hóa;
- Trực tiếp tiêu thụ nông sản hàng hóa;
- Liên kết sản xuất: Hộ nông dân được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp hoặc cho doanh, nghiệp thuê đất, sau đó nông dân được sản xuất trên đất đã góp cổ phần, liên doanh, liên kết hoặc cho thuê và bán lại nông sản cho doanh nghiệp, tạo sự gắn kết bền vững giữa nông dân và doanh nghiệp.

Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa phải bảo đảm nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Một số chính sách chủ yếu khuyến khích các doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với người sản xuất.

I. Về đất đai

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo điều kiện thuận lợi để nông dân thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật quyền về sử dụng đất, sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần hoặc liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản; chỉ đạo việc xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, tạo điều kiện cho người sản xuất và doanh nghiệp tổ chức sản

xuất, ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa; chỉ đạo thực hiện việc dồn điền, đổi thửa ở nơi cần thiết.

Các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản có nhu cầu đất đai để xây dựng nhà máy chế biến hoặc kho tàng, bến bãi bảo quản và vận chuyển hàng hóa thì được ưu tiên thuê đất. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quy định cụ thể tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục, giá cả để hỗ trợ các doanh nghiệp nhận đất đầu tư.

2. Về đầu tư

Vùng sản xuất nguyên liệu tập trung gắn với cơ sở chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa có hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa được ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, thủy lợi, điện,...), hệ thống chợ bán buôn, kho bảo quản, mạng lưới thông tin thị trường, các cơ sở kiểm định chất lượng nông sản hàng hóa. Cơ chế tài chính và hỗ trợ ngân sách thực hiện như quy (lệnh tại Điều 3 Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về tín dụng

- Đối với tín dụng thương mại, các ngân hàng thương mại đảm bảo nhu cầu vay vốn cho người sản xuất và doanh nghiệp đã tham gia ký hợp đồng theo lãi suất thỏa thuận với điều kiện và thủ tục thuận lợi. Người sản xuất, doanh nghiệp được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay để vay vốn ngân hàng, được vay vốn bằng tín chấp và vay theo dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Người sản xuất, doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ nông sản có dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu được hưởng các hình thức đầu tư Nhà nước từ Quỹ Hỗ trợ phát triển theo quy định tại Nghị định số 43/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước và Quyết định số 02/2001/QĐ-TTg ngày 02 tháng 1 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Các doanh nghiệp ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản để xuất khẩu, có dự án sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu được vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu theo quy định tại Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu. Các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản mang tính thời vụ được vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu để mua nông sản hàng hóa theo hợp đồng và được áp dụng hình thức tín chấp hoặc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay để vay vốn.

- Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo ngoài chính sách tín dụng hiện hành cho người sản xuất và doanh nghiệp vay như: cho vay hộ nghèo, giảm lãi suất cho vay khi thanh toán,... còn được thực hiện chính sách:

+ Đối với dự án đầu tư chế biến nông sản, tiêu thụ nông sản hàng hóa được vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển với mức lãi suất 3%/năm. Trường hợp dự án do doanh nghiệp nhà nước thực hiện thì khi dự án đi vào hoạt động, ngân sách nhà nước cấp đủ 30% vốn lưu động;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng cho từng dự án sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương.

4. Về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ

Hàng năm, ngân sách Nhà nước dành khoản kinh phí để hỗ trợ các doanh nghiệp và người sản xuất có hợp đồng tiêu thụ nông sản: áp dụng, phổ cập nhanh (kể cả nhập khẩu) các loại giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất và nhân giống cây trồng, giống vật nuôi; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục (chương trình video, truyền thanh, truyền hình, Internet,...) nhằm phổ cập nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, thông về tin thị trường,

giá cả đến người sản xuất, doanh nghiệp. Các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có hợp đồng tiêu thụ nông sản được ưu tiên triển khai và hỗ trợ về công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

5. Về thị trường và xúc tiến thương mại

Ngoài các chính sách hiện hành, đối với vùng sản xuất hàng hóa tập trung các doanh nghiệp xuất khẩu thuộc các thành phần kinh tế có hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa với nông dân ngay từ đầu vụ được ưu tiên tham gia thực hiện các hợp đồng thương mại của Chính phủ và các chương trình xúc tiến thương mại do Bộ Thương mại, Bộ, ngành có liên quan, Hiệp hội ngành hàng và địa phương tổ chức.

Điều 4. Việc ký kết và thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa giữa người sản xuất với doanh nghiệp phải được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng.

Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa được ủy ban nhân dân xã xác nhận hoặc phòng công chứng huyện chứng thực.

Doanh nghiệp và người sản xuất có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng; bên nào không thực hiện đúng nội dung đã ký mà gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Các bên ký kết hợp đồng cùng nhau thỏa thuận xử lý các rủi ro do về thiên tai, đột biến về giá cả thị trường và các nguyên nhân bất khả kháng khác theo nguyên tắc cùng chia sẻ rủi ro và được Nhà nước xem xét hỗ trợ một phần thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Các doanh nghiệp không được tranh mua nông sản hàng hóa của nông dân mà doanh nghiệp khác đã đầu tư phát triển sản xuất. Không được ký hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa mà người sản xuất đã ký hợp đồng với doanh nghiệp khác. Người sản xuất chỉ được bán nông sản hàng hóa sản xuất theo hợp đồng cho doanh nghiệp khác khi doanh nghiệp đã đầu tư hoặc ký hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa từ chối không mua hoặc mua không hết nông sản hàng hóa của mình.

Khi có tranh chấp về hợp đồng thì ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam cùng cấp và Hiệp hội ngành hàng tổ chức và tạo điều kiện để hai bên giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa án để giải quyết theo pháp luật.

Điều 5. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu doanh nghiệp vi phạm một trong những nội dung: không mua hết nông sản hàng hóa; mua không đúng thời gian, không đúng địa điểm như đã cam kết trong hợp đồng; gian lận thương mại trong việc định tiêu chuẩn chất lượng, số lượng nông sản hàng hóa; lợi dụng tính độc quyền của hợp đồng tiêu thụ để mua dưới giá đã ký kết trong hợp đồng hoặc có hành vi khác gây thiệt hại cho người sản xuất thì tùy theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm mà phải chịu các biện pháp xử lý như sau:

1. Bồi thường toàn bộ thiệt hại vật chất do cơ chế thị trường; hành vi vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật về hợp đồng;

2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoặc tạm đình chỉ quyền kinh doanh đối với các mặt hàng nông sản mà doanh nghiệp vi phạm và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm hợp đồng của doanh nghiệp.

Điều 6. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu người sản xuất nhận tiền vốn, vật tư ứng trước của doanh nghiệp đã ký hợp đồng mà cố ý không bán nông sản hàng hóa hoặc bán nông sản hàng hóa cho doanh nghiệp khác không ký hợp đồng đầu tư sản xuất; bán thiếu số lượng, không đúng thời gian, không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa quy định trong

hợp đồng; không thanh toán đúng thời hạn hoặc có hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà phải chịu các hình thức xử lý như sau:

1. Phải thanh toán lại cho doanh nghiệp các khoản nợ: vật tư, vốn (bao gồm cả lãi suất vốn vay ngân hàng trong thời gian tạm ứng) đã nhận tạm ứng;

2. Phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

Điều 7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo thực hiện các biện pháp thúc đẩy quá trình tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng tại địa phương, trong đó cần làm tốt một số việc sau đây:

- Chỉ đạo các ngành ở địa phương tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về phương thức sản xuất theo hợp đồng, tăng cường giáo dục về pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho doanh nghiệp và nông dân để nhân dân đồng tình hưởng ứng phương thức làm ăn mới;

- Lựa chọn và quyết định cụ thể (có trường hợp cần phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Tổng công ty Nhà nước) các doanh nghiệp thực hiện ký hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa; đồng thời có kế hoạch từng bước mở rộng phương thức ký hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa, để đến năm 2005 ít nhất 30%, đến năm 2010 có trên 50% sản lượng nông sản hàng hóa của một số ngành sản xuất hàng hóa lớn được tiêu thụ thông qua hợp đồng;

- Hướng dẫn các doanh nghiệp và người sản xuất ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa trên địa bàn; chỉ đạo các Sở, ban, ngành trong tỉnh đôn đốc, kiểm tra việc ký kết và thực hiện hợp đồng;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể để từ đó mở rộng phương thức tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng với hợp tác xã nông nghiệp;

- Có biện pháp giúp đỡ cần thiết và tạo điều kiện cho người sản xuất và doanh nghiệp thực hiện phương thức tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng, phát hiện kịp thời những sản xuất vướng mắc của doanh nghiệp và người sản xuất trong quá trình thực thi phương thức này; kịp thời xử lý những vướng mắc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của địa phương và chủ động làm việc với các bộ, ngành có liên quan để xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền của địa phương;

- Chỉ đạo xây dựng một số mô hình mẫu về phương thức sản xuất theo hợp đồng để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung và hoàn thiện các chính sách, nhằm thúc đẩy quá trình liên kết ngày càng chặt chẽ và hiệu quả giữa người sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa trong nông nghiệp.

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa của ngành, để các doanh nghiệp và người sản xuất vận dụng trong quá trình thực hiện; theo dõi tổng hợp việc triển khai thực hiện phương thức tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Thương mại có trách nhiệm hướng dẫn hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản.

3. Bộ Tài chính rà soát các chính sách thuế cho phù hợp đối với các bên ký hợp đồng; xây dựng cơ chế chính sách lập Quỹ Bảo hiểm ngành hàng trình Chính phủ quyết định; hướng dẫn các chính sách về tài chính có liên quan.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ phát triển hướng dẫn tổ chức chi đạo việc cho các doanh nghiệp, người sản xuất vay vốn được quy định trong Quyết định này.

5. Cơ quan quản lý Nhà nước về giá của Chính phủ hướng dẫn nguyên tắc xác định giá sản nông sản hàng hóa mà doanh nghiệp mua của người để bảo đảm người sản xuất có lợi, doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả.

6. Hội Nông dân Việt Nam, Hiệp hội ngành hàng phát huy vai trò, vị trí của ngành mình hỗ trợ các doanh nghiệp và người sản xuất ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 10. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH

HƯỚNG DẪN VỀ MẪU HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HÓA THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/2002/QĐ-TTg NGÀY 24/6/2002 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Để triển khai thực hiện chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng tại Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn mẫu hợp đồng như sau:

I. YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HÓA

- Hợp đồng phải phản ánh đầy đủ các nội dung sau: Những căn cứ để xây dựng hợp đồng và một số thông tin cần thiết về các bên tham gia ký hợp đồng; nội dung các bên tham gia ký hợp đồng thỏa thuận với nhau về: số lượng các loại hàng hóa, tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm của hàng hóa, phương thức, thời gian, địa điểm giao nhận hàng; điều kiện cho các bên (nếu có) để tạo sự gắn bó trong hợp đồng; phương thức thanh toán hợp đồng; cách xử lý các rủi ro bất khả kháng trong quá trình thực hiện hợp đồng; trách nhiệm về vật chất trong thực hiện hợp đồng; giải quyết tranh chấp hợp đồng; hiệu lực của hợp đồng; chữ ký, con dấu hợp pháp của các bên ký hợp đồng và các đơn vị xác nhận hoặc công chứng.

- Các điều khoản ghi trong hợp đồng phải rõ ràng, chặt chẽ, dễ hiểu. Trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng với đại diện các hộ nông dân thì người đại diện phải thảo luận với hộ nông dân mình đại diện để có sự thống nhất.

- Hợp đồng được ký kết phải có xác nhận của ủy ban nhân dân xã hoặc chứng thực của phòng công chứng huyện nơi sản xuất nông sản hàng hóa theo hợp đồng. Trong mọi trường hợp, cần thông báo hợp đồng đã ký kết cho ủy ban nhân dân xã, Hội Nông dân Việt Nam xã trong vùng dự án để phối hợp theo dõi, hỗ trợ thực hiện.

II. GIẢI THÍCH MẪU HỢP ĐỒNG

1. Về đối tượng ký hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa là các tổng công ty, công ty, hợp tác xã (gọi chung là các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến, xuất khẩu) ký hợp đồng mua nông sản hoặc bán vật tư với các hộ nông dân, trang trại, đại diện các hộ nông dân và hợp tác xã về các hàng hóa nông sản nguyên liệu hoặc các vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp (trồng trọt có giống, phân bón, thuốc trừ sâu, chăn nuôi có giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y,...). Đại diện của hộ phải có biên bản thỏa thuận cử đại diện của các hộ.

2. Về Điều 1 của hợp đồng

Số lượng nông sản hàng hóa phải được ghi chính xác, rõ ràng, cụ thể theo sự thỏa thuận của các bên ký hợp đồng và phải tính theo đơn vị đo lường của Nhà nước với từng loại hàng hóa.

3. Về Điều 2 của hợp đồng

Phải ghi rõ trong hợp đồng phẩm chất, quy cách tiêu chuẩn kỹ thuật, kích thước, màu sắc, mùi vị, độ ẩm, tạp chất của hàng hóa, v.v... nhưng tùy từng loại hàng hóa mà hai bên có thể thỏa thuận về các điều kiện phẩm chất, quy cách cho phù hợp.

4. Về Điều 3 của hợp đồng

Bên mua ứng trước vật tư và chuyển giao công nghệ cho bên bán (nếu có).

Ứng trước vật tư: tùy từng ngành, cần ghi cụ thể tên gọi số lượng từng loại, giá trị, phương thức giao vật tư.

Chuyển giao công nghệ: tùy điều kiện, bên mua chuyển giao công nghệ cho bên bán để làm ra các sản phẩm có chất lượng theo yêu cầu của bên mua tại Điều 2. Hợp đồng cần ghi rõ nội dung chuyển giao và trách nhiệm của các bên liên quan.

5. Về Điều 4 của hợp đồng

Xác định cụ thể lịch giao nhận hàng hóa cả về số lượng, địa điểm, phương thức giao nhận hàng hóa từng đợt hoặc trọn gói.

Ngoài hợp đồng, các bên có thể thỏa thuận làm phụ lục hợp đồng nhằm làm rõ các hình thức đầu tư ứng trước vật tư và vốn, lịch giao nhận nông sản hàng hóa, quy định về nghĩa vụ của các bên khi giao hàng, phương thức đo lường để xác định số lượng và chất lượng sản phẩm. Phụ lục hợp đồng là bộ phận cụ thể không tách rời của hợp đồng, có giá trị pháp lý như bản hợp đồng.

6. Về Điều 5 của hợp đồng

Nêu rõ phương thức và thời hạn thanh toán hợp đồng, từng đợt hoặc chọn gói có tính đến giá trị vật tư và tiền vốn ứng trước (nếu có).

7. Về Điều 6 của hợp đồng

Về trường hợp rủi ro bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, hoặc đột biến giá cả thị trường gây thiệt hại vật chất cho người sản xuất hoặc doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu (một trong các bên ký hợp đồng) thì trước hết các bên phải cùng nhau xác định nguyên nhân, bàn biện pháp và cố gắng khắc phục. Khi bất khả kháng xảy ra thì nhanh chóng xác định mức độ thiệt hại thỏa thuận chia sẻ rủi ro khi thanh lý hợp đồng.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Hợp đồng sau khi được các bên ký kết và có xác nhận của ủy ban nhân dân xã hoặc phòng công chứng huyện chứng thực là văn bản mang đầy đủ tính pháp lý. Bên nào thực hiện không đúng những cam kết trong hợp đồng mà gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

2. Doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm phải có trách nhiệm mua hết nông sản hàng hóa đúng thời gian và địa điểm như đã cam kết trong hợp đồng. Tiêu chuẩn, chất lượng và số lượng nông sản hàng hóa phải được đánh giá đúng, doanh nghiệp không được tự ý hạ cấp sản phẩm, ép giảm giá mua nông sản, nâng giá bán vật tư, làm thiệt hại cho người sản xuất.

3. Người sản xuất đã được doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ nông sản ứng trước vật tư, tiền vốn thì phải bán đủ số lượng hàng hóa nông sản đúng thời gian và đúng tiêu chuẩn chất lượng nông sản quy định trong hợp đồng; không được tự ý bán cho các doanh nghiệp khác mua giá cao hơn khi chưa có ý kiến bằng văn bản của doanh nghiệp là đối tác đã ký và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phân vùng, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung các loại cây, con chính và hướng dẫn chỉ đạo các doanh nghiệp ký kết hợp đồng với nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân huyện, ủy ban nhân dân xã trực tiếp giám sát việc ký kết hợp đồng giữa các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản hàng hóa với người sản xuất; phát hiện và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện không lành mạnh xảy ra ở địa phương có thể dẫn tới vi phạm hợp đồng của 2 bên.

6. Đề nghị Hội Nông dân phối hợp với chính quyền hướng dẫn, tuyên truyền, vận động nông dân ký kết và thực hiện đúng hợp đồng tiêu thụ nông sản với các doanh nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa này để các bên tham gia ký kết hợp đồng (các doanh nghiệp với người sản xuất) vận dụng. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc cần báo về Bộ để có giải pháp phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Cao Đức Phát

CHỈ THỊ**Về việc tăng cường chỉ đạo tiêu thụ nông sản
thông qua hợp đồng**

Sau hơn 5 năm triển khai Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng đã mở ra hướng đi tích cực giúp cho sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ, thu hút nhiều doanh nghiệp và nông dân tham gia. Thông qua hợp đồng tiêu thụ nông sản, bước đầu đã gắn trách nhiệm các doanh nghiệp với người sản xuất; nông dân có điều kiện tiếp nhận hỗ trợ về đầu tư, các biện pháp kỹ thuật, giá cả hợp lý, phần khởi, yên tâm sản xuất, thu nhập từng bước được nâng cao; doanh nghiệp đã chủ động được nguyên liệu mở rộng quy mô sản xuất, tăng cường năng lực cạnh tranh. Ở nhiều địa phương, một số ngành hàng đã hình thành mô hình tốt liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện còn có những hạn chế, tồn tại: nhiều địa phương chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ; doanh nghiệp, hộ nông dân chưa thực sự gắn bó và thực hiện đúng cam kết đã ký; tỷ lệ nông sản hàng hóa được tiêu thụ thông qua hợp đồng còn rất thấp (lúa hàng hóa 6-9% sản lượng, thủy sản dưới 10% sản lượng, cà phê 2-5% diện tích); doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư vùng nguyên liệu, chưa điều chỉnh kịp thời hợp đồng bảo đảm hài hòa lợi ích của nông dân khi có biến động về giá cả; trong một số trường hợp, nông dân không bán hoặc giao nông sản cho doanh nghiệp theo hợp đồng đã ký; xử lý vi phạm hợp đồng không kịp thời và chưa triệt để; tình trạng tranh mua, tranh bán vẫn xảy ra khi đã có hợp đồng.

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan:

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung trong xây dựng mới quy hoạch sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, nghề muối trên địa bàn; hình thành vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn, gắn sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến và thị trường.

b) Bảo đảm nguồn kinh phí và lồng ghép các chương trình để thực hiện các dự án có liên quan đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

c) Thực hiện tốt các chính sách có liên quan đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản như chính sách về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đất đai, thuế, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thông tin thị trường.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn việc dồn điền đổi thửa; phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

đ) Hướng dẫn, vận động nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thực hiện hình thức hợp đồng tiêu thụ nông sản theo quy định tại Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

e) Hướng dẫn các bên tham gia ký hợp đồng giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện; kịp thời xử lý các hành vi vi phạm hợp đồng tiêu thụ nông sản theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, ngành có liên quan:

a) Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền pháp luật và các chính sách liên quan đến sản xuất, tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn rà soát, bổ sung, điều chỉnh hoặc xây dựng mới quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản, hướng dẫn, hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp; liên kết hộ sản xuất với trang trại, doanh nghiệp.

c) Triển khai các chương trình, dự án về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, hiện đại, sản xuất hàng hóa.

d) Xây dựng cơ chế tạo điều kiện để công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các chương trình dự án về giống cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp, giống chăn nuôi, giống thủy sản hỗ trợ doanh nghiệp, hộ sản xuất tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản.

đ) Xây dựng chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các mô hình hợp tác giữa hộ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với các cơ sở chế biến, tiêu thụ, phát triển các tổ chức liên kết cộng đồng những người sản xuất trong ngành hàng.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc hỗ trợ doanh nghiệp, hộ sản xuất có hợp đồng tiêu thụ nông sản có đề án ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ khoa học công nghệ vay vốn trung và dài hạn từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ quốc gia của Bộ và địa phương.

4. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo hợp đồng và xây dựng chế tài xử lý vi phạm hợp đồng phù hợp với quy định của Luật Thương mại; hướng dẫn các hoạt động hỗ trợ khác từ các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, chương trình khuyến công quốc gia và chương trình hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, cân đối hỗ trợ vốn thực hiện các chương trình, dự án xây dựng và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa lớn, vùng nguyên liệu tập trung, nhất là đối với vùng nuôi trồng thủy sản và vùng trồng cây công nghiệp.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn dồn điền, đổi thửa, tích tụ đất đai để hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn.

7. Bộ Tư pháp hướng dẫn trợ giúp pháp lý; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật cho nông dân về thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản.

8. Hội Nông dân Việt Nam, các hội, hiệp hội ngành hàng tuyên truyền vận động hội viên thực hiện tốt các nội dung hợp đồng đã ký, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tiêu thụ nông sản.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên theo dõi, tổng kết các mô hình tốt để phổ biến, triển khai mở rộng; kịp thời đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp thúc đẩy tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng; kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chỉ thị và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Chỉ thị này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

PHONG TRÀO XÂY DỰNG MÔ HÌNH “CÁNH ĐỒNG MẪU LỚN” TRONG SẢN XUẤT LÚA Ở NAM BỘ NĂM 2011

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Khái quát

Xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” theo chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được tổ chức thực hiện tại hầu hết các tỉnh, thành Nam bộ từ lễ phát động phong trào ngày 26 tháng 3 năm 2011 tại Tp. Cần Thơ.

Mô hình xuất phát từ rất nhiều điểm trình diễn, nhiều cánh đồng tại hầu hết các tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long với quy mô diện tích từ vài ha đến vài chục ha với rất nhiều hình thức và nội dung thực hiện đa dạng và phong phú. Trong đó phải kể đến các kết quả từ sự chỉ đạo của các Sở NN & PTNT An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Long An... là những nơi tổ chức tốt các cánh đồng canh tác theo những tiến bộ kỹ thuật mới (3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; cánh đồng một giống, cánh đồng hiện đại, cánh đồng lúa chất lượng cao...), áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp kể các đầu tư cơ giới và thủy lợi.

Một số doanh nghiệp tham gia vào các mô hình trước đây phải kể đến là công ty cổ phần phân bón Bình Điền, các công ty lương thực, công ty Cổ phần BVTV An Giang. Tuy nhiên hình thức và nội dung tham gia vẫn còn rời rạc, chỉ một vài khâu trong sản xuất, các hình thức liên kết chưa chặt chẽ. Do vậy hiệu quả mang lại chưa cao.

Mô hình cánh đồng mẫu lớn với bước khởi đầu còn nhiều khó khăn nhưng với sự đồng thuận cao nhất của nhiều cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân và nông dân nên bước đầu đã cho thấy xu thế tất yếu của sự liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, là giải pháp thiết thực nhất cho sản xuất lúa hiện nay và tương lai.

2. Mục đích – Ý nghĩa

Mục tiêu xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” nhằm thực hiện tốt việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến một cách đồng bộ, hiệu quả trên một diện tích lớn, rút ngắn khoảng chênh lệch về năng suất giữa các hộ nông dân, các thửa ruộng, các vùng sản xuất, nâng cao năng suất bình quân trong toàn vùng, gia tăng chất lượng lúa, gạo và làm nền tảng cho việc sản xuất lúa theo VietGAP, vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng thương hiệu lúa gạo Việt Nam trong nước và xuất khẩu. Mô hình “cánh đồng mẫu lớn” tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu thông qua việc tăng cường liên kết bốn nhà, sản xuất và tiêu thụ nông sản theo hợp đồng, chủ động trong sản xuất, điều tiết và tiêu thụ lúa gạo ở Nam bộ nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Mô hình mang ý nghĩa “cánh đồng lớn nhưng trong đó có nhiều nông dân nhỏ” hay nói cách khác là một hình thức mới để tập hợp nông dân trong điều kiện thâm canh sản xuất lúa hiện nay.

Trong khi diện tích đất canh tác lúa của từng hộ vẫn còn nhỏ bình quân chỉ khoảng 1,08 ha/hộ, rất ít hộ có diện tích vào khoảng vài chục ha và việc sản xuất lúa càng ngày càng mang tính hiện đại hơn, việc tiêu thụ đòi hỏi phải đạt chất lượng cao hơn để mang lại nhiều lợi nhuận cho nông dân và cho quốc gia thì những cánh đồng lớn, những vùng nguyên liệu đủ sức cung ứng cho chế biến, xuất khẩu có thể từ vài ngàn đến vài chục ngàn ha là cần thiết và là yêu cầu của sản xuất và tiêu thụ.

Nông dân tham gia trong mô hình “cánh đồng mẫu lớn” tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu được tập hợp và hình thành một quan hệ sản xuất mới phù hợp với

thực tiễn sản xuất và điều kiện cụ thể hiện nay của những vùng sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong quá trình thực hiện xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” các bên tham gia đều thụ hưởng các lợi ích một cách cao nhất, trong đó nông dân được hưởng lợi từ các dịch vụ phục vụ sản xuất, chất lượng vật tư nông nghiệp và các giá trị tăng thêm cho lúa từ các hoạt động dịch vụ nhiều nhất. “Cánh đồng mẫu lớn” sẽ từng bước được dịch vụ hóa tất cả các khâu trong sản xuất từ giống, làm đất, chăm sóc, quản lý nước đến thu hoạch, bảo quản, chế biến, tồn trữ... các hoạt động dịch vụ này sẽ góp phần gia tăng năng suất, chất lượng và giá trị hạt gạo, gia tăng tính cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả về diện tích, nông dân tham gia

Tổng diện tích thực hiện mô hình “cánh đồng mẫu lớn” trong vụ hè thu 2011 đạt 7.803 ha/8.370 ha, đạt 93,22% so kế hoạch, với 6.400 hộ nông dân tham gia. Đây là con số không nhỏ trong vụ đầu tiên thực hiện mô hình “cánh đồng mẫu lớn” (có phụ lục kèm theo).

Có 12/13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Tây Ninh tổ chức thực hiện mô hình “cánh đồng mẫu lớn”.

2. Các hình thức tổ chức, triển khai

Thực hiện việc xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” tại từng tỉnh, từng địa phương đã có những sáng tạo về hình thức tổ chức triển khai trên địa bàn. Nhìn chung Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện.

2.1. Về tổ chức

+ Một số tỉnh thành lập Ban chủ nhiệm (Tây Ninh), Ban điều hành (Long An), Ban chỉ đạo (Kiên Giang, Hậu Giang, Trà Vinh) tại cấp tỉnh và tại các huyện triển khai chương trình.

+ Các tỉnh giao cho Chi cục BVTV làm đầu mối tổ chức triển khai (Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Tây Ninh).

+ Các tỉnh giao cho Trung tâm Khuyến nông làm đầu mối tổ chức triển khai (Kiên Giang, Đồng Tháp).

+ Các tỉnh giao cho Phòng Trồng trọt Sở nông nghiệp làm đầu mối tổ chức triển khai (Tiền Giang, Long An).

2.2. Một số hình thức liên kết phổ biến như sau

+ Tổ chức cung ứng giống lúa đầu vào: do Trung tâm giống của tỉnh (Tây Ninh), đơn vị hoặc một doanh nghiệp cung ứng (Công ty cổ phần BVTV An Giang).

+ Hợp tác với doanh nghiệp cung ứng hoặc phân bón (Bình Điền) hoặc thuốc BVTV (Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang, Công ty Bayer).

+ Hợp tác với doanh nghiệp thu mua lúa (công ty Cổ phần GenTraco, Công ty TNHH TMDV Thành Tín, Công ty Lương thực Long An).

+ Hợp tác với doanh nghiệp khép kín từ đầu vào đến đầu ra (công ty Cổ phần BVTV An Giang).

Trong tất cả các hình thức hợp tác nêu trên, phổ biến nhất là: tổ chức cung ứng giống lúa đầu vào, hợp tác với doanh nghiệp cung ứng hoặc phân bón hoặc thuốc BVTV.

2.3. Hình thức tập hợp nông dân

Hầu hết các tỉnh đều tập hợp nông dân tham gia mô hình theo hình thức phân chia nhóm theo khu vực sản xuất, mỗi nhóm có 1 nhóm trưởng phụ trách. Mỗi cán bộ kỹ thuật của tỉnh hoặc huyện hướng dẫn đôn đốc nhắc nhở 2 nhóm nông dân thực hiện.

Một số tỉnh tổ chức tại các Hợp tác xã hoặc tổ hợp tác sản xuất, những nơi tổ chức theo hình thức này dễ dàng phát động phong trào và tổ chức thực hiện chặt chẽ hơn.

2.4. Hình thức hỗ trợ

Nhà nước:

- Hỗ trợ tiền chênh lệch mua lúa giống cấp xác nhận so với lúa thường (giá hỗ trợ tùy theo tỉnh).

- Tập huấn kỹ thuật cho nông dân định kỳ khoảng 3-4 lần/vụ.

- Hỗ trợ 30 - 50% tiền đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất như: công cụ sạ hàng, lò sấy, thùng pha thuốc tập trung (Đồng Tháp).

Doanh nghiệp:

- Công ty Cổ phần Bình Điền bán phân bón theo giá gốc, hỗ trợ chi phí vận chuyển đến mô hình và cho nông dân nợ 4 tháng.

- Công ty Cổ phần BVTV An Giang: cung ứng giống, phân bón và thuốc BVTV cho nông dân với lãi suất 0%, sau khi thu hoạch nông dân được hỗ trợ chi phí vận chuyển, sấy và lưu kho trong 30 ngày.

- Công ty GenTraco: cung ứng giống lúa với lãi suất 0%, thu mua lúa với giá cao hơn từ 0-150 đồng/kg.

- Công ty Angimex: cung ứng giống, phân bón và thu mua lúa với giá cao hơn từ 200-300 đồng/kg.

- Công ty Lương thực Long An: thu mua lúa với giá cao hơn từ 100-150 đồng/kg.

3. Những nội dung thực hiện

- Tăng cường nạo vét lại các tuyến kênh nội đồng với nguồn kinh phí Nhà nước và nhân dân cùng làm, chủ động tưới tiêu phục vụ kịp thời cho sản xuất.

- Hệ thống giao thông nội đồng từng bước được hoàn thiện cơ bản đảm bảo cơ giới hóa di chuyển tốt trên đồng ruộng.

Có nhiều hình thức áp dụng các tiên bộ kỹ thuật, trong đó tập trung vào Bón phân theo bảng so màu; Sử dụng giống lúa cấp xác nhận, sạ thưa; Ứng dụng biện pháp quản lý nước (tưới ngập khô xen kẽ) và kỹ thuật canh tác lúa ít phát khí thải... Cụ thể như sau:

- Sử dụng 1-2 giống trên cùng cánh đồng, cấp giống xác nhận I hoặc xác nhận II, áp dụng sạ hàng đạt từ 50 -100% diện tích, lượng giống gieo từ 100-120 kg/ha.

- CBKT hướng dẫn nông dân thực hiện theo **qui trình đã được thống nhất**, trong đó nền tảng thực hiện theo 3 giảm 3 tăng, chương trình 1 phải – 5 giảm.

- Hướng dẫn nông dân ghi chép sổ tay theo dõi tình hình sản xuất lúa, hạch toán hiệu quả sản xuất.

- Định kỳ thăm đồng và tập huấn kỹ thuật cho nông dân theo quá trình sinh trưởng và phát triển của cây lúa, theo diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng.

- Tổ chức cung ứng phân bón, thuốc BVTV và hướng dẫn sử dụng.

4. Hiệu quả kinh tế của mô hình “cánh đồng mẫu lớn”

Bảng 1. Hiệu quả kinh tế từ các mô hình cánh đồng mẫu lớn trong vụ hè thu 2011 (Số liệu từ 5 tỉnh đã thu hoạch lúa)

Tỉnh	Năng suất (tấn/ha)	Tổng lợi nhuận bình quân/ha (triệu đồng)	Lợi nhuận tăng thêm so với ngoài mô hình (triệu đồng)	Giá thành sản xuất lúa (đồng)	Giá thành giảm so với ngoài mô hình (đồng)	Giảm số lần phun thuốc BVTV (lần/vụ)
Đồng Tháp	6,00	16 – 18	2,3 – 2,5	2.493	120 - 300	1,7 - 2,5
Long An	7,00	15 – 20	2,5 – 3,0	2.860	150 - 250	2,2 - 2,6
Bạc Liêu	6,00	19 – 20	2,8 – 3,0	2.763	200 - 360	1,8 - 2,0
Tây Ninh	5,00	15 – 16	2,2 – 2,4	3.100	150 - 200	1,2 - 4,0
Trà Vinh	7,23	26 – 27	7,0 – 7,5	2.300	500 - 600	1,5 - 2,0

5. Đánh giá kết quả và hiệu quả

5.1. Về phương thức tổ chức

Phương thức tổ chức đa dạng, nhiều hình thức đơn giản, dễ thực hiện, dựa trên điều kiện thực tế của địa phương.

Các đơn vị tham gia, triển khai thực hiện có nhiều kinh nghiệm.

Tuy nhiên sự kết nối của các cơ quan chuyên môn và các doanh nghiệp, nông dân chưa thật sự tốt.

5.2. Về tác động đến sản xuất và tiêu thụ lúa, gạo

Bước đầu hình thành các mô hình khép kín từ sản xuất đến thu mua hoặc có liên kết của nhiều đơn vị tổ chức sản xuất và tiêu thụ theo hình thức khép kín.

Hình thành nhận thức sản xuất lúa theo đơn đặt hàng, theo nhu cầu tiêu thụ, chú ý đến phẩm chất lúa gạo và có chú ý đến nhu cầu tiêu thụ, xuất khẩu.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều mô hình chưa đồng bộ từ hình thức liên kết đến các hoạt động triển khai, trong đó quy trình canh tác lúa chưa được hoàn thiện, ghi chép sổ tay sản xuất chưa đầy đủ.

Nông dân chưa nhận biết đầy đủ lợi ích của việc tham gia cánh đồng mẫu lớn, vẫn còn quan niệm đây là mô hình nhà nước phải đầu tư, hỗ trợ và phải thu mua lúa với giá cao.

6. Những thuận lợi và khó khăn

6.1. Thuận lợi

- Mô hình “cánh đồng mẫu lớn” được phát động vào thời điểm sản xuất và tiêu thụ lúa gạo đòi hỏi phải được tổ chức và sắp xếp phù hợp với thực trạng, nhu cầu, phương thức tổ

chức vừa đáp ứng được an ninh lương thực vừa đáp ứng được xuất khẩu và gia tăng thu nhập, lợi nhuận cho người sản xuất. Mô hình nhận được sự đồng thuận cao của toàn xã hội.

- Mô hình “cánh đồng mẫu lớn” được kế thừa và phát triển từ rất nhiều các mô hình trước đây nên việc nhận thức và tổ chức thực hiện được tiếp cận nhanh .

- Nông dân đã tham gia nhiều chương trình, mô hình và sẵn sàng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất. Việc tham gia vào mô hình “cánh đồng mẫu lớn” là một hình thức mới vừa thực tiễn vừa khoa học, vừa mang yếu tố cộng đồng vừa cụ thể về các lợi ích kinh tế.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn đã có bước đổi mới trong nhiều năm qua, tương đối hoàn chỉnh tạo thuận lợi cho việc cơ giới hóa, hiện đại hóa trong sản xuất.

- Một số ban chủ nhiệm HTX, tổ hợp tác sản xuất có kỹ năng điều hành tốt, có năng lực hoạt động và tham gia thương thảo ký kết hợp đồng.

6.2. Khó khăn

- Việc tìm kiếm doanh nghiệp thu mua, tiêu thụ lúa còn nhiều hạn chế chỉ một số ít các doanh nghiệp tham gia; các công ty lương thực chưa mạnh dạn đầu tư, thu mua mặc dù việc thu mua lúa và xuất khẩu của các doanh nghiệp này vẫn diễn ra bình thường.

- Một số ít nông dân chưa hiểu hết mục đích, yêu cầu của mô hình nên không tuân thủ đúng quy trình canh tác đã được hướng dẫn, còn chưa mạnh dạn áp dụng phương pháp sạ hàng.

- Trình độ nông dân không đồng đều nên việc tiếp thu tiến bộ kỹ thuật bị hạn chế, việc ghi chép nhật ký sản xuất là một yêu cầu quan trọng nhưng chưa được nông dân quan tâm đúng mức.

- Do phải chuẩn bị trong thời gian ngắn và phải cung ứng giống với số lượng lớn nên có một số giống do Trung tâm giống nông nghiệp cung ứng chất lượng chưa thật đạt yêu cầu như: bị lẫn tạp, nhiễm bệnh lúa von...

7. Tồn tại

- Mới liên kết 4 nhà chưa đồng bộ do còn thiếu doanh nghiệp tham gia việc tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn” cần phải dựa trên nền tảng xây dựng nông thôn mới và phát triển sản xuất lúa hàng hóa theo hướng VietGAP.

- Liên kết 4 nhà cần được đẩy mạnh với vai trò chính là việc thu mua lúa của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Việc thu mua là cơ sở để mô hình tồn tại và phát triển, vì mô hình chính là điểm xuất phát cho việc xây dựng vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong tương lai.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG MÔ HÌNH

LIÊN KẾT XÂY DỰNG CẢNH ĐỒNG MẪU LỚN THEO HƯỚNG GAP TIẾN TỚI XÂY DỰNG VÙNG NGUYÊN LIỆU LÚA HÀNG HÓA CHẤT LƯỢNG CAO XUẤT KHẨU

I. Căn cứ xây dựng tiêu chí cánh đồng mẫu lớn theo hướng GAP

+ Căn cứ Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 24 tháng 6 năm 2002 về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

+ Căn cứ chỉ thị số 25/2008/CT-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2008 về việc tăng cường chỉ đạo tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng.

+ Căn cứ vào Quyết định số 77/2002/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 28 tháng 8 năm 2002 Hướng dẫn về mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa thực hiện quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ Tướng Chính phủ.

+ Căn cứ Thông báo Ý kiến kết luận của Thứ trưởng Bùi Bá Bồng [Công văn số 892/TB-BNN-VP ngày 01/02/2010 tại Hội nghị “Tổng kết sản xuất lúa năm 2009 và triển khai kế hoạch năm 2010 ở Nam bộ”](#).

+ Căn cứ thông báo số 986/TB-BNN-VP ngày 21 tháng 02 năm 2011 “Kết luận của Thứ trưởng Bùi Bá Bồng tại cuộc họp giao ban Sơ kết sản xuất vụ lúa Đông xuân 2010-2011 với các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long” ngày 12 tháng 2 năm 2011.

+ Thực hiện tinh thần hội nghị “Tăng cường liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ lúa xuất khẩu ở Đồng bằng sông Cửu Long” ngày 24 tháng 2 năm 2009 tại Long Xuyên – An Giang.

+ Căn cứ vào nhu cầu và định hướng thị trường lúa hàng hóa chất lượng cao xuất khẩu trong những năm tới.

+ Căn cứ vào quy hoạch sản xuất lúa hàng hóa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

II. Nội dung thực hiện cánh đồng mẫu lớn theo hướng GAP - VietGAP

2.1. Xác định bộ giống lúa xuất khẩu trong từng cánh đồng và trong toàn tỉnh

Bộ giống lúa xuất khẩu của tỉnh, căn cứ vào khả năng thích nghi cao nhất của giống lúa trong điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí tượng thủy văn, đáp ứng và phù hợp với việc ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa. Giống lúa chất lượng cao, được thị trường tiêu thụ trong nước chấp nhận và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Bộ giống lúa xuất khẩu của tỉnh được theo dõi chặt chẽ trong nhiều năm, đánh giá chi tiết tính thích nghi và khả năng cho năng suất, chất lượng và hiệu quả, đồng thời phải có thêm sự tham khảo với các doanh nghiệp tiêu thụ lúa, gạo để đảm bảo sản xuất thích ứng với nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

2.2. Ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật và đẩy mạnh cơ giới hóa trong các khâu sản xuất lúa

Việc ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp trên cơ sở những tiến bộ kỹ thuật đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các Bộ, ngành có liên quan công nhận, hoặc từ các đề tài, dự án, chương trình hợp tác đang thực hiện tại tỉnh và tỏ ra có hiệu quả kỹ thuật, kinh tế, xã hội, môi trường và phù hợp với chủ trương, chỉ đạo sản xuất lúa của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay, được tỉnh đề nghị đưa vào canh tác trong mô hình.

Khi triển khai các tiến bộ kỹ thuật này cần phải thực hiện theo quy trình của các tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận. Nếu có bổ sung các kỹ thuật đang trong quá trình triển khai thực hiện là kết quả các đề tài, dự án, chương trình hợp tác đang thực hiện tại tỉnh phải có các báo cáo về việc tổ chức, triển khai và cơ sở lý luận của việc tổ chức triển khai các kỹ thuật này. Cục Trồng trọt, Cục BVTV Sở NN &PTNT tỉnh cùng với các cơ quan chuyên môn sẽ thẩm định trước khi tổ chức thực hiện trong mô hình.

2.3. Xác định vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung tỉnh và tiến hành quy hoạch ngắn hạn, dài hạn

Việc xác định vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung dựa trên cơ sở quy hoạch của tỉnh, vùng sản xuất này có thể nằm trên nhiều địa bàn khác nhau hoặc trong cùng một địa bàn. Xây dựng cánh đồng mẫu lớn tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu lúa hàng hóa chất lượng cao xuất khẩu theo GAP, do vậy cần tiến hành thực hiện tại những vùng sản xuất được quy hoạch để làm điểm nhân rộng.

2.4. Xây dựng quy trình canh tác lúa hàng hóa chất lượng cao xuất khẩu, tiến tới xây dựng theo quy trình VietGAP lúa

Quy trình canh tác được xây dựng lần đầu dựa trên quy trình áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, trong quá trình thực hiện, quy trình canh tác sẽ được hoàn thiện thông qua việc phân tích, đánh giá từ việc ghi chép sổ tay sản xuất lúa.

Quy trình canh tác hoàn thiện dần theo hướng thực hiện quy trình VietGAP cho lúa.

Quy trình này bắt buộc thực hiện cho toàn bộ diện tích tham gia mô hình.

2.5. Xác định chuỗi cung ứng lúa, gạo phù hợp trên cơ sở phân tích, đánh giá chuỗi cung ứng hiện tại và đề xuất chuỗi cung ứng hợp lý, hiệu quả

Chuỗi cung ứng lúa gạo từ sản xuất đến tiêu thụ cần được theo dõi, ghi chép và phân tích trên cơ sở đề xuất và xây dựng chuỗi cung ứng lúa gạo hiệu quả, nâng cao dần giá trị hạt gạo, trong đó việc phân phối lợi nhuận phải hợp lý với lợi nhuận cao nhất có thể được cho người sản xuất.

2.6. Xây dựng nền tảng liên kết vững chắc dựa trên các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, tài chính, thương mại, hài hòa lợi ích và hiệu quả tối ưu

Xây dựng các chương trình liên kết căn cứ theo các văn bản quy phạm pháp luật đồng thời xem xét đến tính thực tiễn của sản xuất lúa, gạo trong vùng. Phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo xuất khẩu phải được đặt trong hoàn cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của nơi thực hiện, vừa phát triển kinh tế nhưng cũng phù hợp và hài hòa với các lợi ích khác của nông dân trong vùng.

2.7. Mở rộng vùng nguyên liệu, phân chia hợp lý và khai thác hiệu quả vùng nguyên liệu

Xây dựng vùng nguyên liệu ban đầu là những liên kết thực hiện từ mô hình, vùng nguyên liệu khi mở rộng cần có sự kiểm soát và điều tiết của Nhà nước, tránh tình trạng tranh chấp nguyên liệu khi nông sản có giá trị cao.

III. Các bên cần liên kết, phối hợp thực hiện

3.1. Hiệp hội lương thực Việt Nam và các công ty thành viên

Hiệp hội lương thực Việt Nam và các công ty thành viên có vai trò quan trọng trong việc tổ chức thu mua sản phẩm, ngoài ra tiến tới việc thực hiện là đầu mối đầu tư về giống lúa cho nông dân, tổ chức phối hợp với các doanh nghiệp vật tư khác như phân bón, thuốc BVTV, xăng dầu...

3.2. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành ĐBSCL

Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành ĐBSCL đóng vai trò chính trong việc tổ chức thực hiện “cánh đồng mẫu lớn” theo chỉ đạo của Bộ, là cơ quan chủ trì thực hiện, tổ chức liên kết và chịu trách nhiệm trong việc xây dựng vùng nguyên liệu.

3.3. Phân viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp

Hỗ trợ các địa phương về quy hoạch, đề xuất và kiến nghị việc tổ chức vùng nguyên liệu tập trung.

3.4. Các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ KHKT

Xây dựng quy trình sản xuất lúa, phổ biến các tiến bộ KHKT, điều tra, phân tích và hoàn thiện quy trình canh tác theo VietGAP, phối hợp toàn diện về kỹ thuật trong việc tổ chức, xây dựng và triển khai mô hình, tiến đến xây dựng vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao theo GAP cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

3.5. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh giống, phân bón, thuốc BVTV, máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa sản xuất lúa

Thực hiện liên kết thông qua các hợp đồng cam kết cung ứng giống, phân bón, thuốc BVTV, máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa sản xuất lúa có chất lượng, giá cả phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Doanh nghiệp tham gia có trách nhiệm hỗ trợ nông dân trong việc sử dụng các loại hàng hóa mà doanh nghiệp cung ứng, hình thức hỗ trợ do doanh nghiệp công bố và thỏa thuận trực tiếp với nông dân, hai bên cam kết thực hiện.

3.6. Các tổ chức, HTX, Tổ Hợp tác, nông dân

Là tổ chức pháp nhân đại diện nông dân trong việc thực thi các hợp đồng với doanh nghiệp, cam kết thực hiện với cơ quan chính quyền.

Các tổ chức chưa có pháp nhân có thể nhờ một tổ chức pháp nhân hoặc cơ quan chính quyền địa phương làm đại diện trong các giao dịch thương mại.

Nông dân trong mô hình, vùng nguyên liệu phải chấp hành các điều kiện sản xuất theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

IV. Yêu cầu

4.1. Các bên ký kết Ghi nhớ liên kết xây dựng “cánh đồng mẫu lớn” tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu

Dưới sự chủ trì của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn các bên ký kết Ghi nhớ liên kết xây dựng “cánh đồng mẫu lớn” tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu. Các bên tham gia gồm Sở NN & PTNT (hoặc các cơ quan chuyên môn được Sở phân công); các cơ quan, Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ KHKT; các doanh nghiệp; các tổ chức, HTX, Tổ Hợp tác sản xuất.

Đối với việc cung ứng vật tư nông nghiệp và thu mua lúa thông qua hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp và HTX, Tổ Hợp tác sản xuất.

4.2. Cánh đồng mẫu lớn phải thuận tiện cho việc sản xuất lúa hàng hóa, có triển vọng mở rộng

Việc thuận tiện về giao thông, cơ giới, thủy lợi cho sản xuất và thu mua lúa hàng hóa là điểm cần chú ý trong việc xây dựng mô hình với triển vọng mở rộng diện tích. Đối với

những vùng chưa thuận tiện cần phải có kế hoạch xây dựng, tu chỉnh, nâng cấp, cải tạo để phục vụ cho sản xuất lúa hàng hóa.

4.3. Nông dân tự nguyện tham gia

Nông dân tự nguyện tham gia là yêu cầu bắt buộc khi triển khai mô hình, cần phải tạo sự thấu hiểu của nông dân đối với lợi ích mang lại cho họ, cho đến khi nông dân tự nguyện tham gia mô hình.

4.4. Có hạ tầng kinh tế xã hội tương đối hoàn chỉnh

Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội sẽ hỗ trợ tích cực cho việc triển khai mô hình, trong tình hình thực tế cần vận động nông dân từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, các điều kiện cho cơ giới hóa.

4.5. Doanh nghiệp phải đủ năng lực tham gia, triển khai và tổ chức thực hiện

Doanh nghiệp tham gia mô hình phải được chọn lọc, sản phẩm cung ứng phải có hiệu quả và càng thân thiện với môi trường càng tốt.

4.6. Khả năng đáp ứng của nông dân đối với các yêu cầu về kỹ thuật và pháp lý

Nông dân tham gia mô hình phải đáp ứng được việc thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, tốt nhất là đã tham gia lớp huấn luyện, chấp hành theo quy trình hướng dẫn kỹ thuật canh tác đề nghị. Nông dân tham gia phải tuân thủ các yêu cầu về mặt pháp lý khi tổ chức đại diện ký kết hợp đồng.

V. Tổ chức thực hiện

Việc tổ chức thực hiện mô hình “*Cánh đồng mẫu lớn*” tiến tới xây dựng “*vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu*” và “*sản xuất lúa theo VietGAP*” cần được thực hiện theo 3 bước như sau:

A. Bước một: Xây dựng mô hình “cánh đồng mẫu lớn”

1. Quy hoạch Cánh đồng mẫu lớn tiến tới vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu

Dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết tại địa phương; căn cứ vào các chủ trương, nghị quyết và chương trình hành động, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng nguyên liệu, hệ thống các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

2. Tiêu chí xây dựng Cánh đồng mẫu lớn (mô hình)

2.1. Cánh đồng mẫu lớn phải nằm trong quy hoạch tổng thể nông nghiệp nông thôn, theo chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động của địa phương, có điều kiện tự nhiên (đất đai, thời tiết, khí tượng thủy văn...) phù hợp, hạ tầng kinh tế xã hội (hệ thống thủy lợi, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, trình độ, tập quán canh tác của nông dân) tương đối tốt.

2.2. Quy mô diện tích

Mô hình “cánh đồng mẫu lớn”: 300 – 500 ha.

Việc lựa chọn cánh đồng liền canh với diện tích từ 300 – 500 ha xuất phát từ thực tiễn sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long với những cánh đồng tương đối lớn, phổ biến trung bình khoảng 500 – 1.000 ha; mặt khác trong nhiều năm qua nhiều tỉnh đã xây dựng và thực hiện nhiều mô hình cánh đồng ứng dụng tiến bộ KHKT với nhiều tên gọi khác nhau: cánh đồng 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, cánh đồng hiện đại, cánh đồng 1 giống... với quy mô từ 50 - 100 ha là phổ biến.

Mở rộng quy mô diện tích từ 300 – 500 ha cho mô hình cánh đồng mẫu lớn nhằm mục đích:

- Không phun thuốc hóa học định kỳ. Dùng thuốc hóa học khi cần thiết, có sự khuyến cáo của cán bộ chuyên ngành, khuyến khích ứng dụng công nghệ sinh thái trong quản lý dịch hại.

- Cơ giới hóa thu hoạch đạt 100% diện tích.

- 100% sản lượng lúa trong vụ Hè thu và Thu đông được phơi, sấy đạt yêu cầu.

d/ Hình thức liên kết

- Mô hình được xây dựng trên nền tảng của sự liên kết 4 nhà, trong đó các hình thức liên kết được thể hiện thông qua hợp đồng giữa các tổ chức, doanh nghiệp với HTX hoặc tổ hợp tác sản xuất.

- Các thỏa thuận phải tuân thủ theo những quy định pháp luật hiện hành.

2.4. Cơ quan quản lý chuyên ngành ở địa phương quan tâm, phối hợp thực hiện

Vai trò của các cơ quan chuyên môn ở địa phương rất quan trọng, đây là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện. Đồng thời phối hợp với các tổ chức đơn vị khác trong ghi nhớ và tổng kết mô hình.

Mô hình “cánh đồng mẫu lớn” có thể đạt đến vùng sản xuất lúa theo VietGAP được chứng nhận tùy theo nhu cầu và sự phát triển của mô hình.

3. Quy trình thực hiện mô hình Cánh đồng mẫu lớn tiến tới xây dựng vùng nguyên liệu

(i) Thông qua thỏa thuận liên kết: bằng văn bản giữa các bên tham gia cùng đồng ý ký tên và chi tiết các thỏa thuận dưới sự chủ trì của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(ii) Tổ chức điều tra, khảo sát, quy hoạch *Cánh đồng mẫu lớn*: điều tra điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, kỹ thuật, tập quán canh tác của vùng dự kiến xây dựng mô hình. Kết quả điều tra làm cơ sở cho việc xây dựng quy trình kỹ thuật đầu tiên.

(iii) Xác định bộ giống lúa và năng lực cung ứng giống: Bộ giống lúa do Sở NN & PTNT phối hợp với doanh nghiệp thu mua xác định những giống chủ lực của tỉnh (3 - 5 giống), của vùng nguyên liệu (1 - 2 giống), những giống lúa được chọn có đặc tính nông học và sự tương đồng về chất lượng.

(iv) Tổ chức hội nghị triển khai, ký kết hợp đồng: hội nghị triển khai là cơ hội để thể hiện các cam kết giữa các bên và ký kết hợp đồng ràng buộc về tính pháp lý của mô hình hay vùng nguyên liệu.

(v) Tập huấn kỹ thuật cho nông dân.

(vi) Tổ chức cung ứng vật tư: giống, phân bón, thuốc BVTV...: Bố trí thời gian, địa điểm, phương thức cung ứng, thu hồi, bán sản phẩm...

(vii) Sản xuất lúa: chăm sóc, thu hoạch, bảo quản thực hiện cam kết hợp đồng: tổ chức sản xuất lúa theo quy trình canh tác, lịch thăm đồng, tập huấn kỹ thuật.. có sự tham gia của cán bộ kỹ thuật, hướng dẫn nông dân và ghi chép sổ tay.

(viii) Thu mua, thanh lý hợp đồng, tiếp tục ký kết cho vụ tiếp theo.

(ix) Hội nghị tổng kết, mở rộng mô hình.

4. Trách nhiệm của các bên liên kết

+ Cục Trồng trọt: thực hiện vai trò định hướng, tổ chức phối hợp giữa các bên liên kết; phối hợp chỉ đạo thực hiện, điều hành; tổ chức các hội nghị, báo cáo tổng kết.

+ Sở NN & PTNT: trực tiếp xác định, xây dựng mô hình vùng nguyên liệu, phối hợp chỉ đạo và trực tiếp tổ chức tại địa phương.

+ Hiệp hội Lương thực và các công ty thành viên: Phối hợp, tổ chức ký kết hợp đồng, triển khai thu mua lúa hàng hóa, xây dựng các phương án thu mua, dự báo nhu cầu và mở rộng vùng nguyên liệu.

+ Các doanh nghiệp hỗ trợ đầu vào thực hiện các cam kết sản phẩm, giá bán và thời gian thu hồi nợ.

5. Chế độ thông tin báo cáo

+ Báo cáo tháng: theo mẫu soạn sẵn: gồm tình hình triển khai thực hiện, tình hình sinh trưởng và phát triển của lúa, các diễn biến bất thường, chăm sóc,

+ Hội nghị triển khai

+ Các hội thảo, tập huấn

+ Thông tin, truyền thông: Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông của địa phương: đài phát thanh - truyền hình, truyền thanh huyện, báo và các ấn phẩm chuyên ngành.

6. Giải quyết vướng mắc

Các thắc mắc, khó khăn, trở ngại trong quá trình thực hiện cần phải được các bên bàn bạc, thảo luận hoặc phản ánh với cơ quan cao hơn tìm cách giải quyết thỏa đáng trên tinh thần lợi ích chung.

7. Kết quả mong muốn

7.1. Năm 2011: Diện tích Cánh đồng mẫu lớn đạt: 4.000 – 6.000 ha trong toàn vùng - trung bình mỗi tỉnh 300 – 500 ha

7.2. Năm 2012: Diện tích Cánh đồng mẫu lớn đạt 20.000 – 40.000 ha trong toàn vùng - trung bình mỗi tỉnh 1.500 – 4.000 ha/vụ

7.3. Năm 2013: Diện tích Cánh đồng mẫu lớn đạt 50.000 – 80.000 ha trong toàn vùng - trung bình mỗi tỉnh 5.000 – 10.000 ha/vụ.

B. Bước hai: Xây dựng vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu

1. Cơ sở vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu: dựa trên quy mô và liên kết mô hình “cánh đồng mẫu lớn” trên cơ sở quy hoạch của tỉnh về vùng nguyên liệu.

2. Vùng nguyên liệu phải được đầu tư hạ tầng và hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất lúa.

3. Vùng nguyên liệu có quy mô diện tích tối thiểu: 5.000 ha và tối đa 30.000 ha, tùy theo tình hình thực tế của việc ký kết, thu mua của các doanh nghiệp xuất khẩu có thể xây dựng quy mô vùng nguyên liệu cho phù hợp.

4. Mỗi tỉnh chọn từ 2 - 3 vùng nguyên liệu tập trung, phát triển tăng dần theo nhu cầu thực tế.

5. Vùng nguyên liệu sản xuất theo đơn đặt hàng và theo kế hoạch xuất khẩu.

6. Vùng nguyên liệu có thể đạt đến việc sản xuất theo VietGAP được chứng nhận theo nhu cầu sản xuất và xuất khẩu.

C. Bước ba: Vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu sản xuất theo VietGAP

1. Vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu theo VietGAP dựa trên vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu: có 100% diện tích sản xuất lúa theo VietGAP, đạt năng suất, giảm giá thành, tăng lợi nhuận và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP được cấp chứng nhận.

2. Vùng nguyên liệu lúa xuất khẩu theo VietGAP hoàn chỉnh và khép kín từ khâu sản xuất, thu hoạch, tồn trữ, bảo quản, chế biến, bán (thu mua) sản phẩm đạt giá trị cao nhất và phân phối lợi nhuận hợp lý, hài hòa.

3. Định hướng phát triển và hoàn chỉnh toàn bộ hạ tầng cơ sở cho sản xuất và đời sống nông thôn.

PHỤ LỤC

Mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ NÔNG SẢN HÀNG HÓA

Hợp đồng số..... HĐTT/2.....

- Căn cứ Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng.

- Căn cứ biên bản thỏa thuận số..... ngày tháng năm giữa Công ty, Tổng công ty, cơ sở chế biến thuộc các thành phần kinh tế với HTX, hộ nông dân (đại diện hộ nông dân, trang trại, v.v...)

Hôm nay, ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

1. Tên doanh nghiệp mua hàng (gọi là Bên A)

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:..... FAX:.....

- Tài khoản số..... tại ngân hàng.....

- Mã số thuế DN.....

- Đại diện bởi ông (bà):.....chức vụ:.....

(Giấy ủy quyền số.....viết ngày tháng năm bởi ông (bà)..... Chức vụ..... ký).

2. Tên người sản xuất (gọi là Bên B)

- Đại diện bởi ông (bà):..... Chức vụ:.....

- Địa chỉ.....

- Điện thoại:..... FAX:.....

- Tài khoản số (nếu có)..... tại ngân hàng:.....

- Số CMND:.....cấp ngày.... tháng... năm..... tại.....
- Mã số thuế..... (nếu có)

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Bên A nhận mua của Bên B

Tên hàng:..... số lượng.....

Trong đó

- Loại:..... số lượng....., đơn giá..... thành tiền.....

- Loại:..... số lượng....., đơn giá..... thành tiền.....

- Loại:..... số lượng....., đơn giá..... thành tiền.....

Tổng giá trị hàng hóa nông sản..... đồng (viết bằng chữ)

Điều 2. Tiêu chuẩn chất lượng và quy cách hàng hóa Bên B phải đảm bảo:

1. Chất lượng hàng.....theo quy định.....

2. Quy cách hàng hóa

3. Bao bì đóng gói.....

Điều 3. Bên A ứng trước cho Bên B (nếu có)

- Vật tư:

+ Tên vật tư....., số lượng....., đơn giá..... thành tiền.....

+ Tên vật tư....., số lượng....., đơn giá..... thành tiền.....

Tổng trị giá vật tư ứng trước..... đồng (viết bằng chữ)

+ Phương thức giao vật tư

- Vốn:

+ Tiền Việt Nam (đồng)..... Thời gian ứng vốn

+ Ngoại tệ USD (nếu có):.....Thời gian ứng vốn

- Chuyển giao công nghệ:.....

Điều 4. Phương thức giao nhận nông sản hàng hóa.

1. Thời gian giao nhận: Bên A và Bên B thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên A thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên B trước thời gian thu hoạch ít nhất 5 ngày để Bên B chuẩn bị. Nếu "độ chín" của hàng nông sản sớm lên hay muộn đi so với lịch đã thỏa thuận trước thì Bên B đề nghị Bên A xem xét chung toàn vùng để có thể điều chỉnh lịch giao hàng có lợi nhất cho hai bên.

2. Địa điểm giao nhận: do hai bên thỏa thuận sao cho hàng nông sản được vận chuyển thuận lợi và bảo quản tốt nhất (Trên phương tiện của Bên A tại....., hoặc tại kho của Bên A tại.....).

3. Trách nhiệm của hai bên:

- Nếu Bên A không đến nhận hàng đúng lịch đã thỏa thuận thì phải chịu chi phí bảo quản nông sản..... đồng/ngày và bồi thường thiệt hại..... % giá trị sản phẩm do để lâu chất lượng hàng hóa giảm sút.

- Nếu địa điểm thỏa thuận giao hàng tại nơi thu hoạch, Bên B có trách nhiệm chuẩn bị đủ hàng. Khi Bên A đến nhận hàng đúng theo lịch mà Bên B không có đủ hàng giao để Bên A

làm lỗ kế hoạch sản xuất và lỗ phương tiện vận chuyển thì Bên B phải bồi hoàn thiệt hại vật chất gây ra (bồi thường do hai bên thỏa thuận).

- Khi đến nhận hàng: người nhận hàng của Bên A phải xuất trình giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền hợp pháp do Bên A cấp. Nếu có sự tranh chấp về số lượng và chất lượng hàng hóa thì phải lập biên bản tại chỗ, có chữ ký của người đại diện mỗi bên.

Sau khi nhận hàng: Các bên giao và nhận hàng phải lập biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận rõ số lượng, chất lượng hàng có chữ ký và họ tên của người giao và nhận của hai bên. Mỗi bên giữ một bản.

Điều 5. Phương thức thanh toán.

- Thanh toán bằng tiền mặt..... đồng hoặc ngoại tệ
- Thanh toán bằng khấu trừ vật tư, tiền vốn ứng trước đồng hoặc ngoại tệ.....
- Trong thời gian và tiến độ thanh toán:.....

Điều 6. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường.

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

- Ngoài ra, Bên A còn có thể thỏa thuận miễn giảm.....% giá trị vật tư, tiền vốn ứng trước cho Bên B theo sự thỏa thuận của hai bên.

2. Trường hợp giá cả thị trường có đột biến gây thua thiệt quá khả năng tài chính của Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên B điều chỉnh giá bán nông sản hàng hóa cho Bên A so với giá đã ký tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Ngược lại, nếu giá cả thị trường tăng có lợi cho Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên A tăng giá mua nông sản cho Bên B.

Điều 7. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian và địa điểm phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.

- + Mức phạt về không số lượng: (.....% giá trị hoặc..... đồng/đơn vị)
- + Mức phạt về không đảm bảo chất lượng:.....
- + Mức phạt về không đảm bảo thời gian.....
- + Mức phạt về sai phạm địa điểm.....
- + Mức phạt về thanh toán chậm.....

Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hóa không phù hợp với quy định của hợp đồng.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp hợp đồng.

TIEU CHÍ XÂY DỰNG CÁNH NÔNG MẠI LỘN



**BOÀNÔNG NGHIỆP VÀPHAI TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRONG TRỐT**

Chòu trách nhiệm xuất bản:
TS. LÊQUANG KHỎI

Phùì trách bản thảo

vaò biên tập

: **Nhàng Ngọc Phan**

Trình bày - bìà

: **Khánh Hà - Bảo Ngọc**

NHAXUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

167/6 - Phường Mai - Nông Nã - Hà Nội

ĐT: (04) 38523887 - 35760656 - 38521940

Fax: (04) 35760748. E-mail: nxbnn@hn.vnn.vn

CHI NHANH NHAXUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bành Khiêm Q.1, TP. Hà Chí Minh

ĐT: (08) 38297157 - 38299521

Fax: (08) 39101036. E-mail: cnxbnn@yahoo.com.vn

In 5.030 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp Bản thảo Nhai Lait - Xòông in thành phố Hà
Chí Minh. Nhàng ký KHXB số 209-2011/CXB/230-08/NN do Cục Xuất bản cấp ngày
2/3/2011.

In xong vaò nộp lờu chiềù quyđ 1/2012.